TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 58/2022/HNGĐ – ST Ngày: 24– 8– 2022 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Phương
Ông Trần Ngọc Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2022/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 30/6/2022, Quyết định hoãn phiên toà số 35/2022/QĐST – HNGĐ ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 4, khu phố PS, phường PH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 4, khu phố PS, phường PH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn B tại Tòa án:

Ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 2009. Ông, bà có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TT nay là phường PH, thị xã PM vào 21/10/2009. Vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thuỷ T, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Nguyễn Trọng Công M, sinh ngày 20/8/2012.

Ông Bcho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2012 đến đầu năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng hơn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp về lối sống nên hay xảy ra cãi vã, không hòa giải được. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, ông B yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Loan.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2022, ông B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng Công M, sinh ngày 20/8/2012 và đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Thuỷ T, sinh ngày 26/10/2010 cho bà L nuôi dưỡng. Nay ông thay đổi yêu cầu, đồng ý giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. ông B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị L để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L cố tình vắng mặt, không tới Tòa án làm việc. Theo xác nhận của Công an phường PH, thị xã PM thì bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ 4, khu phố PS, phường PH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà L, đồng ý giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn dã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B được ly hôn với bà L; Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Thuỷ T, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Nguyễn Trọng Công M, sinh ngày 20/8/2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/con/tháng đến tuổi trưởng thành; Về tài sản chung và nợ chung: ông B không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: ông B chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 4, khu phố PS, phường PH, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Văn B yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị L là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú

Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị L tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã PH, huyện TT (nay là phường PH, thị xã PM), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 63 ngày 21/10/2019.

Ông B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2012 đến đầu năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng hơn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp về lối sống nên hay xảy ra cãi vã, không hòa giải được. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho Bà L nhưng bà L không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B, bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B được ly hôn với bà L.

[3] Về con chung:

Ông B xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Công M, sinh ngày 20/8/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai cháu đang sống với bà L vẫn đảm bảo phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Nguyện vọng của hai cháu muốn sống với mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông B, giao cháu T và cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/con/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2022 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Về án phí hôn nhân gia đình: Ông B phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông B có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57 , 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Ngọc Thủy T, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Nguyễn Trọng Công M sinh ngày 20/8/2012 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Buộc ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí ông B phải nộp là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005911 ngày 14/03/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông B còn phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND P.Phước Hoà, thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung